

BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM - TỪ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT ĐẾN THỰC TIỄN

PGS, TS. LÊ VĂN LỢI^(*)

Tóm tắt: Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn nhất quán chủ trương tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Nhà nước ta cũng không ngừng hoàn thiện chính sách, pháp luật về tôn giáo, đồng thời thực hiện nhiều biện pháp để bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Trong giai đoạn hiện nay, cần tiếp tục bảo đảm tốt quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhằm góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và gia tăng nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Từ khóa: quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; Việt Nam

1. Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Từ khi thành lập đến nay, dù trong hoàn cảnh nào, Đảng ta luôn nhất quán với chủ trương tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân dựa trên cơ sở khoa học vững chắc là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền cơ bản của con người, cần phải được bảo vệ, bảo đảm. C.Mác từng nói: “Đặc quyền tín ngưỡng là một quyền phổ biến của con người”⁽¹⁾; trong khi đó, V.I.Lênin nhấn mạnh: “Chúng tôi rất kính trọng mọi sự tin tưởng thành thật trong lĩnh vực tín ngưỡng, chùng nào mà người ta không dùng bạo lực và lừa bịp để truyền bá lòng tin tưởng đó”⁽²⁾. Sau khi cách mạng Tháng Mười Nga thành công,

V.I.Lênin tuyên bố, “... theo Hiến pháp của chúng ta, theo đạo luật cơ bản của nước cộng hòa chúng ta, thì quyền tự do tín ngưỡng về tôn giáo đã được tuyệt đối bảo đảm cho mọi người”⁽³⁾. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một nội dung quan trọng. Với Người, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ là nguyên tắc, mà còn là giá trị của chế độ mới, đồng thời là điều kiện để đoàn kết dân tộc. Vì vậy, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ sau khi nước nhà giành được độc lập, Người đã đề nghị Chính phủ tuyên bố: “Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”.

Quan trọng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị khẳng định quan điểm tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Trong Chỉ thị về việc thành lập Hội phân đề đồng minh, ngày 18/11/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã yêu cầu phải tập hợp các

^(*) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

tầng lớp nhân dân vào Hội đề “*dần dần cách mạng hóa quần chúng, mà lại bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng, đập tan luận điệu phản tuyên truyền: Cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo*”⁽⁴⁾. Nghị quyết Trung ương 7 (tháng 11/1940) nhấn mạnh: “Cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương thực hiện những khâu hiệu như sau đây: Ban bố hiến pháp dân chủ, ban bố những quyền tự do dân chủ cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, *tự do tín ngưỡng*”⁽⁵⁾. Chương trình hoạt động của Mặt trận Việt Minh (năm 1941) chỉ rõ: “Chính trị: 1. Thi hành phổ thông đầu phiếu; 2. Ban hành các quyền tự do dân chủ như: tự do xuất bản, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng...”⁽⁶⁾. Như vậy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được Đảng xác định là quyền tự do, dân chủ cần phải được thực hiện khi cách mạng thành công.

Sau khi cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước dân chủ nhân dân đã tuyên bố chính sách “tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết” do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng và ban hành nhiều biện pháp cần thiết để bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được hiến định ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên (năm 1946) với quy định “Mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng” (Điều 10) và tiếp tục được ghi nhận trong tất cả các Hiến pháp sau này.

Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng ta đã có sự phát triển mang tính đột phá trong tư duy, nhận thức về tôn giáo khi thừa nhận: “Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”⁽⁷⁾ “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”⁽⁸⁾, đồng thời chủ trương khuyến khích phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo. Trên cơ sở đổi mới nhận thức về tôn giáo, Đảng tiếp tục khẳng định nguyên tắc nhất quán là tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, đồng

thời đề ra nhiều chủ trương để quyền này được thực hiện đầy đủ trong thực tế. Đại hội lần thứ VII, VIII, IX, X của Đảng và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) đều khẳng định nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng như không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng đã có bước cụ thể hóa nguyên tắc tự do tín ngưỡng khi nhấn mạnh: “Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật”⁽⁹⁾. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định nguyên tắc này và nhấn mạnh việc tiếp cận dựa trên quyền: “Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận”⁽¹⁰⁾, đồng thời chủ trương “phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước”⁽¹¹⁾; hoàn thiện chính sách, pháp luật theo hướng phù hợp với luật pháp quốc tế cũng như tạo điều kiện để nhân dân thực hiện đúng và đầy đủ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên thực tế. Như vậy, trong thời kỳ đổi mới, nguyên tắc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và đoàn kết tôn giáo tiếp tục là sợi chỉ đỏ xuyên suốt qua các kỳ đại hội của Đảng.

Quan điểm, chủ trương đổi mới của Đảng về tôn giáo được thể chế hóa thành các quy định của Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013. Trong Hiến pháp năm 1992, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận tại Điều 70 như sau: “*Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước*”. Hiến pháp năm 2013 thể hiện bước tiến mới trong chính sách tôn giáo của Việt Nam khi khẳng định quyền tự do tín

ngưỡng, tôn giáo là quyền con người, quyền của mọi người và tuyên bố rõ ràng “Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo” (Điều 24). Những quy định này thể hiện rõ bản chất tốt đẹp của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân cũng như phù hợp với pháp luật quốc tế về quyền con người.

Trên cơ sở chủ trương, quan điểm của Đảng và quy định của Hiến pháp, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản làm công cụ pháp lý để thực thi quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên thực tế. Luật Tổ chức Chính phủ năm 1992, Bộ luật Dân sự năm 1995, Nghị định số 69/HĐBT ngày 21/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về các hoạt động tôn giáo, Nghị định số 26/1999/NĐ-CP ngày 14/9/1999 của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004,... ghi nhận và bảo vệ quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng với ý nghĩa là một trong những quyền nhân thân cơ bản của người dân, được Nhà nước Việt Nam bảo hộ bằng việc xác định những chế tài pháp lý đối với những hành vi xâm hại quyền này. Đặc biệt, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã dành riêng Chương II với 04 điều (từ Điều 6 đến Điều 9) quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và nghĩa vụ của từng đối tượng cụ thể trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Đây là văn bản pháp quy trực tiếp luật hóa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân, tạo cơ sở pháp lý cụ thể để điều chỉnh hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam tương thích với các điều ước quốc tế.

Như vậy, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước luôn nhất quán với nguyên tắc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Đồng thời, cùng với quá trình phát triển đất nước, nội dung quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng như cơ chế bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, phù hợp với luật pháp quốc tế, với thực tiễn đời sống tôn giáo cũng như đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tôn giáo của đồng bào có đạo.

2. Việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong thực tiễn

Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhận được sự đồng tình, ủng hộ và tích cực thực hiện của đồng bào có đạo nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo nên những biến chuyển tích cực trong đời sống tôn giáo. Việc bảo đảm thực tế **quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân thể hiện trên nhiều phương diện**, cụ thể:

Thứ nhất, chủ trương, chính sách, pháp luật tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta đã làm thay đổi căn bản đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta. Việt Nam là nước đa tín ngưỡng, tôn giáo; các tôn giáo tồn tại đan xen, hòa đồng và có truyền thống đồng hành cùng dân tộc; đồng bào các tôn giáo đều giàu lòng yêu nước, đoàn kết, gắn bó cùng nhân dân cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử, các tôn giáo ở nước ta thường bị thực dân, đế quốc và các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá cách mạng. Trước đây, do vấn đề lịch sử để lại, một bộ phận tín đồ, chức sắc tôn giáo vẫn có tâm lý mặc cảm, e ngại trong mối quan hệ với chính quyền. Tuy nhiên, chính sách, pháp luật về tôn giáo ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt tôn giáo, nên đồng bào các tôn giáo ngày càng tin tưởng vào Đảng, Nhà nước. Những quy định pháp luật rõ ràng tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo đăng ký hoạt động và được Nhà nước công nhận. Vì vậy, số lượng các tôn giáo và tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận hoạt động đã tăng rất nhanh, từ 6 tôn giáo và 15 tổ chức tôn giáo vào năm 2006, thì đến tháng 11/2020, có 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo được Nhà nước công nhận. Các hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng sôi nổi, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng nhân dân, với khoảng 8.500 lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo hằng năm. Đời sống tôn giáo sôi động với xu hướng tích cực, tuân thủ pháp

luật, đồng hành cùng dân tộc là chủ đạo chính, là chỉ dấu sinh động cho hiệu quả việc thực thi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ hai, số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc và cơ sở thờ tự của các tôn giáo ngày càng tăng. Trong thời kỳ đổi mới, cùng với việc ngày càng nhiều tôn giáo và các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận, số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc của các tôn giáo đều có sự gia tăng. Theo thống kê, nếu năm 2003 cả nước có 17.427.613 tín đồ, 34.181 chức sắc, 78.913 chức việc, thì đến năm 2016 đã có 24.289.297 tín đồ, 52.893 chức sắc và 133.662 chức việc. Đến tháng 11/2020 cả nước có 26.548.509 tín đồ, chiếm 27% dân số cả nước, trong đó có 58.104 chức sắc, 148.046 chức việc, 29.801 cơ sở thờ tự. Sự gia tăng số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc tôn giáo có nhiều nguyên nhân, nhưng trong đó nguyên nhân quan trọng là chính sách, pháp luật đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân sinh hoạt tôn giáo và các tổ chức tôn giáo mở rộng phạm vi hoạt động, phát triển tín đồ theo pháp luật.

Cùng với việc phát triển tín đồ, đào tạo chức sắc, chức việc, các tổ chức tôn giáo được tạo điều kiện tu bổ, sửa chữa, xây mới cơ sở thờ tự khang trang phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của đồng bào có đạo. Theo thống kê, năm 2003 cả nước có 20.929 cơ sở thờ tự tôn giáo, đến năm 2016 có 27.916 cơ sở, năm 2020 có 29.801 cơ sở thờ tự tôn giáo trên cả nước. Nhằm thực hiện chính sách bảo hộ cơ sở thờ tự, đảm bảo điều kiện cho người dân thực hành quyền tự do tôn giáo, nhiều chính quyền địa phương đã tìm cách giải quyết, tháo gỡ vướng mắc, tạo quỹ đất để các tổ chức tôn giáo có điều kiện xây dựng, mở rộng cơ sở thờ tự, địa điểm sinh hoạt tôn giáo; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo kê khai đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đai cơ sở tôn giáo nếu đủ điều kiện. Chính quyền các địa phương xúc tiến đẩy nhanh thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật, không để

xảy ra hiện tượng vòi vĩnh, sách nhiễu, gây khó khăn, cản trở.

Thứ ba, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của các tổ chức tôn giáo có sự phát triển nhanh chóng. Thực hiện pháp luật về tôn giáo và với sự tạo điều kiện của các cơ quan nhà nước, các tổ chức tôn giáo đã đẩy mạnh hoạt động đào tạo cả trong và ngoài nước cho các chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo. Hằng năm có hàng ngàn chức sắc các tôn giáo được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước. Với sự tạo điều kiện của các cấp chính quyền, các tổ chức tôn giáo đã mở rộng và thành lập mới nhiều cơ sở đào tạo. Đến năm 2020, cả nước có 64 cơ sở đào tạo chức sắc, chức việc tôn giáo với khoảng 10 ngàn học viên đang theo học⁽¹²⁾. Sự phát triển các cơ sở đào tạo đã giúp các tổ chức tôn giáo chủ động trong xây dựng lực lượng chức sắc, đáp ứng nhu cầu hoạt động tôn giáo trong bối cảnh số lượng tín đồ ngày càng tăng.

Thứ tư, ngày càng nhiều ấn phẩm tôn giáo được xuất bản, đăng tải, đáp nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của đồng bào có đạo. Trong thời kỳ đổi mới, số lượng các ấn phẩm tôn giáo được tạo điều kiện xuất bản với số lượng rất lớn, tới hàng triệu bản mỗi năm. Bên cạnh đó, việc biên dịch các kinh sách, ấn phẩm tôn giáo từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt cũng được tăng cường, giúp đồng bào có đạo tiếp cận được nhiều thông tin về giáo lý, giáo luật, lễ nghi của tôn giáo mình theo ở trên thế giới. Ngoài việc xuất bản bằng chữ quốc ngữ, các kinh sách tôn giáo còn được xuất bản bằng tiếng của nhiều dân tộc thiểu số. Cùng với việc xuất bản kinh sách, các tổ chức tôn giáo còn có các báo, tạp chí, bản tin và các website, trang mạng xã hội để đăng tải các ấn phẩm tôn giáo.

Thứ năm, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào dân tộc thiểu số được bảo đảm. Những năm qua, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng dân tộc thiểu số nước ta có nhiều biến chuyển hết sức phức tạp với những biểu hiện phong phú, đa dạng như: sự biến đổi niềm tin tôn giáo, sự xuất hiện hiện tượng tôn giáo mới,

sự cải đạo, chuyển đạo, sự từ bỏ, giảm lược niềm tin, lễ nghi tín ngưỡng truyền thống... Các thế lực thù địch lợi dụng những vấn đề đó để chống phá khiến cho tình hình tôn giáo trong vùng dân tộc thiểu số càng phức tạp. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong vùng dân tộc thiểu số, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến chính sách dân tộc, tôn giáo và trên thực tế đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số, trong đó có bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số có đạo đã được cải thiện đáng kể. Thiết chế hạ tầng vùng dân tộc, miền núi, vùng sâu đã từng bước được hoàn thiện, các giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát huy. Đặc biệt, với việc các tôn giáo được Nhà nước tạo điều kiện tự do phát triển, đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều cơ hội tự do theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo, tự do thực hành tín ngưỡng, tôn giáo; tự do tiếp cận và lựa chọn niềm tin khác với tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống. Nhờ vậy, mặc dù còn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp, nhưng tình hình tôn giáo vùng dân tộc thiểu số đã dần ổn định.

Thứ sáu, quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo ngày càng phát triển. Trong thời kỳ đổi mới, với chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng, Nhà nước ta đã tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo thúc đẩy và mở rộng các quan hệ quốc tế. Các tôn giáo đã tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức tôn giáo quốc tế và tổ chức tôn giáo của các nước trên thế giới. Các hoạt động viếng thăm, cử chức sắc đi tu học, diễn đàn, hội thảo, hội nghị... giữa các tổ chức tôn giáo trong nước với các tổ chức tôn giáo trên thế giới diễn ra thường xuyên. Các hoạt động quốc tế được các tổ chức tôn giáo Việt Nam đăng cai tổ chức, như Đại lễ Vesak, Hội nghị toàn thể Liên hội đồng Giám mục Á châu... đã thể hiện sinh động quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta cũng như góp phần giới thiệu hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

Qua một số nét khái quát nêu trên có thể thấy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ được bảo đảm về mặt pháp lý, mà còn được thực thi trong thực tế, phù hợp với luật pháp quốc tế và đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân. Đó chính là minh chứng sinh động để bác bỏ các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về tình hình tôn giáo ở nước ta.

3. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong bối cảnh mới

Trong giai đoạn hiện nay, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân, mà còn góp phần củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và gia tăng nguồn lực cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Trong khi đó, tình hình tôn giáo ở nước ta đang diễn biến phức tạp, bên cạnh dòng chủ lưu là tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, các tôn giáo hoạt động tuân thủ pháp luật, vẫn còn hiện tượng hoạt động tôn giáo trái pháp luật hoặc lợi dụng tôn giáo vào mục đích chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Trong bối cảnh đó, để quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân được thực hiện đúng và đầy đủ trong thực tế, ***cần tập trung giải quyết tốt một số vấn đề*** sau:

Một là, tăng cường sự phối hợp của toàn hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện công tác tôn giáo và thực thi hiệu quả quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Trước hết, Đảng cần tăng cường sự lãnh đạo nhằm bảo đảm chính sách tôn giáo được thực hiện đúng đắn và đầy đủ trong thực tế. Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể cần nhận rõ trách nhiệm trong việc đi sâu vận động quần chúng tín đồ, chức sắc tôn giáo; phổ biến, giải thích chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, hướng dẫn các tổ chức tôn giáo và quần chúng tín đồ thực hiện đúng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để đề kháng trước các âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Hai là, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và kiện toàn bộ máy, đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo, tín ngưỡng. Cần rà soát tính thống nhất của toàn bộ hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đồng bộ với các chính sách, pháp luật thuộc các lĩnh vực khác, nhất là về các vấn đề đất đai, xã hội hóa giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo. Đồng thời, hoàn thiện các quy định pháp luật về tổ chức hoạt động, chức năng và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực tôn giáo; kiện toàn bộ máy và nâng cao trình độ, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ngang tầm nhiệm vụ đặt ra. Lưu ý tránh giải quyết vấn đề tôn giáo theo phương pháp mệnh lệnh hành chính, xử lý dứt điểm những vấn đề điểm nóng tôn giáo phức tạp, bức xúc, nhất là những vấn đề liên quan đến đất đai, cơ sở thờ tự tôn giáo.

Ba là, nâng cao dân trí và đời sống vật chất, tinh thần cho vùng đồng bào có đạo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, coi đây là điều kiện căn bản để thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân. Những khó khăn, thiếu thốn về đời sống kinh tế thường bị các thế lực thù địch lợi dụng để dụ dỗ, mua chuộc tín đồ, đả kích, vu khống Đảng và Nhà nước nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cần làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao trình độ dân trí để người dân thụ hưởng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mình trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; chủ động tham gia đấu tranh chống các hành vi xâm hại và lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo vào mục đích xấu.

Bốn là, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức tôn giáo và chức sắc, chức việc tôn giáo trong thực hiện chính sách, pháp luật về tôn giáo. Thực tế cho thấy, tổ chức tôn giáo và các chức sắc, chức việc tôn giáo có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm để quần chúng tín đồ thực hiện đúng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Bởi vậy, cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức giáo hội trong

giải quyết các vấn đề liên quan đến tôn giáo cũng như tăng cường vận động các chức sắc, chức việc đề họ ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Từ đó, họ sẽ gương mẫu hoạt động tôn giáo đúng pháp luật cũng như hướng dẫn tín đồ thực hiện đúng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Năm là, tăng cường đối thoại và đấu tranh trên lĩnh vực tự do tôn giáo. Do sự khác biệt về thể chế chính trị, truyền thống văn hóa, đặc điểm tôn giáo, một số nước và tổ chức quốc tế thường nhìn nhận thiếu khách quan về tình hình tôn giáo nước ta. Bởi vậy, cần tăng cường nghiên cứu và đối thoại để các đối tác hiểu rõ hơn những nỗ lực của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Bên cạnh đó, phải thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác, chủ động đấu tranh làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn lợi dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch trong và ngoài nước để kích động sự thù hận, nghi kỵ, ly khai, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc và ảnh hưởng đến chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội □

(1) C.Mác và Ph.Ăng ghen, *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 549

(2) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.15, Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1979, tr.183

(3) V.I.Lênin *Toàn tập*, t.44, Sđd, tr.410

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.235

(5) và (6) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Sđd, tr.68-69 và 150

(7) và (8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.45-46 và 48

(9) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-x-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xi-cua-dang-1526>

(10) và (11) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.171 và 171

(12) Nguyễn Thanh Xuân, *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2020, tr.435